

Tên học phần: Tâm lí học phát triển và ứng dụng trong giáo dục đặc biệt
(Developmental Psychology and Application of Special Education)

Mã học phần : SPEC 231

Bài 12. Sự phát triển của trẻ giai đoạn từ 6 – 12 tuổi

Thời lượng: 100 phút

Học xong nội dung này, người học có thể:

- Nắm bắt được sự phát triển thể chất vận động của trẻ từ 6 – 12 tuổi.
- Hiểu và biết các mốc phát triển từng giai đoạn phát triển nhận thức, ngôn ngữ của trẻ từ 6 – 12 tuổi
- Biết các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ 6 – 12 tuổi để vận dụng trong hỗ trợ phát triển của trẻ

3.1. Sự phát triển của trẻ từ 6 đến 12 tuổi

3.1.1. Những thay đổi về cơ thể và hoạt động

- *Đặc điểm cơ thể:* não bộ, hệ xương, hệ tim mạch, hệ thần kinh ... được kiện toàn.
- *Thay đổi hoạt động chủ đạo:* từ hoạt động vui chơi ở lứa tuổi mẫu giáo chuyển sang hoạt động học tập.

Với bước chân đầu tiên đi vào một lớp học “thật sự”, cuộc sống của trẻ nhỏ thay đổi hẳn. Học sinh tiểu học sẽ chính thức bắt đầu học cho được khối kiến thức mà người lớn cho rằng rất cần nắm nắm vững.

Hoạt động học theo tâm lý học hiện đại lần đầu tiên xuất hiện và hình thành nhờ phương pháp nhà trường. Tròn 6 tuổi, trẻ em vào lớp 1, bằng hoạt động trẻ em sẽ có những biến đổi tâm lý căn bản (trí tuệ, năng lực, động cơ, hứng thú...).

Hoạt động học của học sinh tiểu học là hoạt động chủ đạo- hoạt động này có đối tượng lần đầu tiên xuất hiện trong tiến trình phát triển của trẻ em, được tổ chức đặc biệt. Đối tượng của hoạt động học là hệ thống các khái niệm khoa học và hệ thống tri thức có tính lý luận. Hoạt động học được hình thành bằng phương pháp nhà trường, dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Hoạt động học, giáo dục tìm cách tổ chức hoạt động học của học sinh tiểu học trực tiếp trên đối tượng (khái niệm khoa học, những chuẩn mực của đời sống xã hội đương thời).

Để xác định cụ thể đối tượng của hoạt động học phải xây dựng chương trình môn học, thầygiáo có tay nghề, chỉ việc chấp nhận, lựa chọn rồi tiến hành việc tổ chức hoạt động học của học sinh.

Ngoài những môn học mà các giáo viên dạy, trẻ nhỏ còn học được nhiều thứ khác trong lớp học. Nhà trường khuyến khích các hành vi hợp tác và có

hướng xây dựng. Các chuẩn mực và các giá trị văn hoá chính thống luôn luôn được củng cố như: chăm chỉ lao động, có ý chí hoàn thành nhiệm vụ, tôn trọng quyền sở hữu riêng của mọi người, vâng lời người lớn, tính ngăn nắp, chấp hành tốt các quy tắc. Giáo viên cũng khuyến khích trẻ nhỏ thi đua và so sánh xã hội bằng cách nêu gương học tập tốt của các học sinh chăm ngoan.

Mức thích nghi và các kết quả học tập của học sinh tiểu học không phải chỉ là quan trọng về chính nội dung của các mặt đó mà thực ra còn cho biết trước về sự lành mạnh tinh thần của trẻ khi thành người lớn sau này.

3.1.2. Sự phát triển về nhận thức

3.1.2.1. Sự phát triển các quá trình nhận thức

Tri giác

- Tri giác của học sinh đầu tiểu học mang tính đại thể, ít đi sâu vào chi tiết và mang tính không chủ động, do đó, các em phân biệt những đối tượng còn chưa chính xác, dễ sai lầm, có khi còn lẫn lộn.

- Các lớp đầu bậc tiểu học, tri giác của trẻ em thường gắn với hành động, với hoạt động thực tiễn của trẻ. Tính cảm xúc thể hiện rất rõ khi các em tri giác. Tri giác trước hết là những sự vật, những dấu hiệu, những đặc điểm nào trực tiếp gây cho các em xúc cảm.

- Tri giác và đánh giá thời gian và không gian của học sinh tiểu học còn có hạn chế.

Chú ý:

- Lứa tuổi học sinh tiểu học, chú ý có chủ định của các em còn yếu, khả năng điều chỉnh chú ý một cách có ý chí chưa mạnh. Sự chú ý của học sinh đòi hỏi một động cơ gần thúc đẩy. Học sinh các lớp cuối bậc học chú ý có chủ định được duy trì ngay cả khi chỉ có động cơ xa, học sinh các lớp đầu bậc học thường bắt mình chú ý khi có động cơ gần.

- Sự chú ý của học sinh lớp một, lớp hai còn yếu, thiếu bền vững. Sự chú ý của học sinh tiểu học còn phụ thuộc vào nhịp độ học tập. Nhịp độ học tập quá nhanh hoặc quá chậm đều không thuận lợi cho tính bền vững và sự tập trung chú ý.

Trí nhớ

Các em nhớ và giữ gìn chính xác những sự vật, hiện tượng cụ thể nhanh hơn và tốt hơn những định nghĩa, những lời giải thích dài dòng. Học sinh lớp một và lớp hai có khuynh hướng ghi nhớ máy móc bằng cách lặp đi lặp lại nhiều lần là do nhiều học sinh tiểu học còn chưa biết tổ chức việc ghi nhớ có ý nghĩa, chưa biết sử dụng sơ đồ logic và dựa vào các điểm tựa để ghi nhớ, chưa biết xây dựng dàn ý tài liệu cần ghi nhớ.

Tưởng tượng:

Tưởng tượng của học sinh tiểu học đã phát triển và phong phú hơn so với trẻ em chưa đến trường. Đây là lứa tuổi thơ mộng giúp cho phát triển tưởng tượng.

Lớp 1 – lớp 2 : Tường tượng của các em còn tản mạn, ít có tổ chức. Hình ảnh của tường tượng còn đơn giản, hay thay đổi, chưa bền vững, nghèo chi tiết

Lớp 4 – 5 : Nảy sinh nhiều sáng tạo biểu tượng, tường tượng tái tạo từng bước được hoàn thiện gắn liền với những hình tượng đã tri giác trước hoặc tạo ra những hình tượng phù hợp với những điều mô tả. Số liệu dấu hiệu và hình ảnh tăng lên nhiều, khá trọn vẹn và cụ thể.

Tư duy :

Tư duy của trẻ em mới đến trường là tư duy cụ thể, mang tính hình thức bằng cách dựa vào những đặc điểm trực quan của những đối tượng và hiện tượng cụ thể. J.Piagiê cho rằng tư duy của trẻ từ 7 đến 10 tuổi về cơ bản còn ở giai đoạn thao tác cụ thể, trên cơ sở đó có thể diễn ra quá trình hệ thống hoá các thuộc tính, tài liệu trong kinh nghiệm trực quan.

Nhờ ảnh hưởng của việc học tập, học sinh tiểu học dần dần chuyển từ nhận thức các mặt bên ngoài của các hiện tượng đến nhận thức được những thuộc tính và dấu hiệu bản chất của hiện tượng vào tư duy. Điều đó tạo khả năng tiến hành những khái quát đầu tiên, so sánh đầu tiên, xây dựng suy luận sơ đẳng.

Khi khái quát hoá, học sinh tiểu học (lớp 1 và lớp 2) thường quan tâm đến dấu hiệu trực quan, bề ngoài có liên quan đến chức năng của đối tượng tức là công dụng và chức năng. Nhờ hoạt động học tập, trình độ nhận thức phát triển, học sinh lớp 3, lớp 4 đã biết xếp bậc các khái niệm, phân biệt khái niệm rộng hơn, hẹp hơn, nhìn ra các mối liên hệ giữa các khái niệm về loài về giống loài. Trên cơ sở này học sinh biết phân loại và phân hạng trong nhận thức.

Hoạt động phân tích – tổng hợp còn sơ đẳng, học sinh các lớp đầu tiểu học chủ yếu tiến hành hoạt động phân tích- trực quan- hành động khi tri giác trực tiếp đối tượng. Học sinh cuối bậc học này có thể phân tích đối tượng mà không cần tới những hành động thực tiễn đối với đối tượng đó. Học sinh các lớp học này có khả năng phân biệt những dấu hiệu, những khía cạnh khác nhau của đối tượng dưới dạng ngôn ngữ.

3.1.2.2. Sự phát triển ngôn ngữ

Khi đi học, trẻ nắm được hình thức ngôn ngữ mới, đó là ngôn ngữ viết. Nắm ngôn ngữ viết và tiếp tục phát triển ngôn ngữ có tính lô gíc, truyền cảm, bảo đảm cho trẻ khả năng để nhận thức thực tế và giao tiếp rộng rãi.

Ngôn ngữ của trẻ tiểu học phát triển mạnh cả về ngữ âm, ngữ pháp và vốn từ: Trẻ 6 tuổi hiểu được gần 10.000 từ và tiếp tục mở rộng vốn từ tăng với khoảng 20 từ mỗi ngày. Đến năm 10 tuổi trẻ có thể hiểu được khoảng 40.000 từ.

Học sinh tiểu học cũng thông thạo hơn trong việc hình thành những suy diễn ngôn ngữ, cho phép chúng thể hiện nhiều hơn. Từ 9 -11 tuổi, trẻ có khả năng suy diễn ngôn ngữ tốt.

Học sinh các lớp cuối bậc đã nắm được ngữ âm, nhưng hiện tượng phát âm sai vẫn còn phổ biến ở học sinh lớp 1, lớp 2 nhiều hơn.

Các em nắm được quy tắc ngữ pháp cơ bản khi nói và viết. Tuy nhiên vẫn còn sai ngữ pháp

3.1.3.1. Sự phát triển giới

Trong tuổi thiếu niên, cũng phát triển ý thức về giới tính kể cả các hình tượng rập khuôn, là một mặt khác của cái “Mình”. Khi học hết bậc tiểu học, trẻ đã biết được đầy đủ các hoạt động, các công việc và các nét nhân cách coi là thích hợp với nam giới và nữ giới trong nền văn hoá của dân tộc mình.

Có nhiều nhân tố có thể ảnh hưởng đến việc trẻ nhỏ tuân thủ các hình tượng rập khuôn về giới, một cách chặt chẽ hoặc linh động tới mức nào. Nhân tố thứ nhất là giới tính của trẻ. Nói chung, con trai thường ứng xử theo kiểu giới của mình hơn là con gái. Cách suy nghĩ về giới tính cũng thường linh hoạt hơn khi lớn tuổi hơn và khi đã phát triển về nhận thức ở mức cao hơn. Các nhân tố về xã hội cũng có ảnh hưởng tới mức linh hoạt trong các suy nghĩ về giới.

3.1.3.2. Phát triển về đạo đức

Erik Erikson (1963) cho rằng vấn đề quan trọng nhất của tuổi thiếu niên là sự thách thức trong việc bắt đầu nắm cho được mọi kỹ năng của người lớn và những cảm xúc diễn biến khi thành công hay thất bại. Khi thành công, trẻ sẽ có được ý thức về tính siêng năng, niềm tin vững chắc ở trình độ của mình và chăm chỉ làm việc để thực hiện các mục tiêu. Nếu trẻ luôn thất bại không nắm được các kỹ năng mới, sẽ cảm thấy mình bất tài và sinh ra tự ti.

Trong thời kỳ này, trẻ hiểu được ý nghĩa của việc thấy mình là thuộc về một nhóm và tôn trọng các chuẩn mực của nhóm đó. Các em phải đối mặt với những nhiệm vụ phát triển về các mặt xã hội và cảm xúc trong tuổi thiếu niên khi đang ở trong bối cảnh gia đình.

Quá trình phát triển của bản ngã xã hội.

Một tiến bộ khác về mức hiểu về mình trong tuổi thiếu niên là sự phát triển của bản ngã xã hội. Đó là hiểu được “tôi là ai” thường liên hệ chặt chẽ với những người khác.

Trẻ đi học bắt đầu nói tới các nhóm “xã hội” mà chúng là thành viên. Trẻ còn có khuynh hướng sử dụng người khác làm nguồn thông tin để tự đánh giá mình. Khuynh hướng này được gọi là cách so sánh xã hội.

Năng lực bản thân và khả năng tự chủ.

Một mặt phát triển cuối cùng của cái “Tôi” trong thời kỳ học bậc tiểu học, đó là lòng tin của trẻ vào khả năng có thể làm chủ tình thế trong những tình huống khó khăn và tin vào sự thắng lợi của các khả năng trong con người mình. Niềm tin vào năng lực của bản thân tiến triển dần từng bước. Khi trẻ đã có được ý thức về năng lực của bản thân, chúng có thể thực hiện rất tốt những công việc cần đến khả năng tự kiểm chế.

Tính cách

- Ở lứa tuổi hoạt động tiểu học, dễ nhận ra tính xung động trong hành vi của các em. Do vậy, hành vi của các em dễ có tính tự phát.

- Tính cách của các em thường bướng bỉnh và thất thường. Đây là hình thức độc đáo, phản ứng lại những yêu cầu của người lớn mà các em xem là cứng nhắc để chống lại .

- Phần nhiều lớn học sinh tiểu học có nhiều nét tính cách tốt như lòng vị tha, tính ham hiểu biết, tính hồn nhiên, tính chân thực, lòng thương người...Hồn nhiên trong quan hệ với người lớn, với thầy cô giáo, bạn bè

- Tính hay **bất chước** cũng là một đặc điểm quan trọng của lứa tuổi này. Học sinh tiểu học thích bất chước hành vi, cử chỉ...của các nhân vật trong phim.

- Học sinh tiểu học ở nước ta sớm có thái độ và thói quen tốt đối với lao động.Lao động đã rèn luyện cho các em những phẩm chất tốt đẹp như tính kỉ luật, cần cù, óc tìm tòi, khả năng sáng tạo.

- 3.1.3.3. Nhóm và sự phát triển của trẻ từ 6 đến 12 tuổi

Trong tuổi thiếu niên, các nhóm bạn cùng trang lứa ngày càng quan trọng hơn vì nhiều lý do: một phần do phần lớn thời gian trẻ nhỏ ở gần các bạn, nhóm bạn dạy cho trẻ những quan hệ qua lại và hợp tác, cách kiềm chế cảm xúc và giúp cho trẻ hiểu nguyên tắc về tính trung thực và công bằng, nhóm bạn còn thúc đẩy trẻ nhỏ phát triển các kỹ năng tương tác.

Trong tuổi thiếu niên, các quan hệ cùng trang lứa có những đặc điểm:

- *Hình thành tình bạn chân thành:* ở thời kỳ này, trẻ hiểu rằng thực chất của tình bạn là hiểu nhau và chăm sóc nhau, cùng chia sẻ các cách nhìn nhận và những sở thích. Đối với bạn, trẻ nhỏ đối xử khác so với những người quen sơ.

- *Hình thành các nhóm bạn:* Đến năm cuối bậc tuổi học, trẻ đã có ý thức rõ rệt về “nhóm” và phân biệt rõ những ai ở trong nhóm hay ngoài nhóm. Học sinh tiểu học thường hay chơi cùng với một số bạn tương đối là thân, ổn định.

- *Phối hợp trong tình bạn và tương tác trong nhóm :* Tình bạn thân thiết dạy cho trẻ những bài học về sự tin cậy và quan hệ “có đi có lại”, còn qua tương tác với nhóm, trẻ hiểu được nội dung của các quan hệ hợp tác, phối hợp hành động và chấp hành các quy tắc và chuẩn mực của nhóm.

- *Tuân thủ các chuẩn mực của nhóm cùng trang lứa :* Trong tuổi tiểu học, tính công bằng là một chuẩn mực rất quan trọng, nhờ đó có thể duy trì được tính chất hoà hợp và tinh thần đoàn kết của nhóm. Các chuẩn mực của nhóm trẻ cùng trang lứa thường thống nhất với các giá trị đạo đức của nền văn hoá của chúng.

- *Duy trì gianh giới nam và nữ:* Học sinh tiểu học rất chú ý đến việc giữ gìn không vượt qua quá xa các gianh giới nam và nữ. Nói như vậy không phải là các học sinh tiểu học không tiếp xúc với các bạn khác giới. Chúng có nhiều dịp tiếp xúc nhưng trong bối cảnh phù hợp với quy tắc của nhóm. Hầu hết các trẻ đều hiểu rất rõ các quy tắc này.

3.1.3.4. Gia đình và sự phát triển của trẻ từ 6 đến 12 tuổi

Trong tuổi thiếu niên, các quan hệ giữa cha mẹ và con cái có những thay đổi rõ nét, một phần là do trẻ đã phát triển về khả năng nhận thức. Học sinh tiểu

học có khả năng tự quản hơn, vì vậy các cha mẹ trao thêm cho chúng những trách nhiệm khác nữa. ở thời kỳ này tính chân thành và tính công bằng được chú trọng hơn trong quan hệ cha mẹ-con cái.

Đứa trẻ đã có hiểu biết chung về những gì nên làm và cha mẹ cũng mong muốn con cái mình theo đúng những nguyên tắc ứng xử đã nhập tâm.

Các cách dạy dỗ con cái và hướng phát triển của trẻ nhỏ

Các nhà nghiên cứu đã tìm ra những tổ hợp các đặc tính ở các cha mẹ có liên hệ tới một số kết quả phát triển ở trẻ nhỏ.

- Các cha mẹ nào hồn hậu nâng đỡ con cái và hay dùng lý lẽ để đưa con cái vào khuôn phép thì con cái sẽ có tinh thần hợp tác, biết cư xử đúng mức, có ý thức.

- Cha mẹ thiếu sự nồng hậu và chỉ dựa vào kỷ luật để thực hiện quyền lợi của mình thì con cái sẽ trở thành hung tính, không nghe lời

- Các cha mẹ dễ dãi cũng phần nào nuôi dạy con cái tốt nhưng không kiên quyết giữ vững các giới hạn và các quy tắc.

Bạo lực trong gia đình, xung đột và ly hôn

- Trẻ bị ngược đãi về thể chất sau này sẽ có những hành vi tiêu cực. Các trẻ này thiếu lòng tự trọng, thường hay lảng tránh nhóm bạn và có những hành vi phản xã hội. Dù là đứa trẻ không bị đánh đập nhưng trong gia đình có hiện tượng bạo lực, thì sẽ nảy sinh nhiều vấn đề ở trẻ nhỏ trong đó có hiện tượng hung tính và co mình lại, xa lánh mọi người.

- Trẻ cũng bị ảnh hưởng khi cha mẹ ly hôn tuy rằng tình trạng ly hôn đều gây khó khăn cho trẻ nhỏ dù là ở tuổi nào đối với trẻ nhỏ ảnh hưởng nặng nề hơn.

3.1.4. Thuyết tâm lý - xã hội (Erik Erikson) đối với sự phát triển của trẻ có nhu cầu đặc biệt

Lý thuyết tâm lý xã hội miêu tả sự phát triển nhân cách như một sản phẩm của tương tác giữa nhu cầu và khả năng cá nhân (tâm lý) với những kỳ vọng và yêu cầu của xã hội (xã hội)

Học thuyết tâm lí – xã hội cho rằng Khủng hoảng ngụ ý sự phát triển bình thường không diễn ra suôn sẻ, trạng thái căng thẳng và xung đột xuất hiện đòi hỏi các cá nhân phải nỗ lực điều chỉnh cho phù hợp với môi trường xã hội xung quanh mình tại mỗi giai đoạn phát triển.

Theo học thuyết TLXH, hầu hết mọi người phải trải qua các giai đoạn và sự khác biệt giữa mức phát triển ở đầu mỗi giai đoạn của một người với sự thúc đẩy của xã hội đẩy lên một mức phát triển mới vào cuối mỗi giai đoạn.

Kết quả của các cuộc khủng hoảng trong mỗi giai đoạn là sự cân bằng hay thống nhất giữa hai mặt đối lập. Với mỗi người, tần số và tầm quan trọng của

những trải nghiệm tích cực và tiêu cực đều góp phần vào giải pháp cho cuộc khủng hoảng mà giải pháp này.

Mức độ của các cuộc khủng hoảng phụ thuộc nhiều vào các yếu tố lịch sử, môi trường và phụ thuộc vào mỗi cá nhân. Vì vậy, mỗi cuộc khủng hoảng của các giai đoạn sống sẽ thách thức sự cân bằng mà mỗi con người đạt được so với các giai đoạn trước.

Đối với trẻ có nhu cầu đặc biệt, ở mỗi giai đoạn, trẻ thể hiện nhu cầu, khủng hoảng để phát triển và cần có những tác động tích cực và các biện pháp phù hợp ở mỗi giai đoạn cho sự phát triển tích cực của trẻ.

Khủng hoảng TLXH và các phương pháp chính để giải quyết khủng hoảng TLXH

Các giai đoạn sống	Khủng hoảng	Phương pháp chính
So sinh (0 – 2 tuổi)	Tin tưởng đối lập với ngờ vực	Tác động tới người chăm sóc
Biết đi (2- 3 tuổi)	Tự chủ đối lập với xấu hổ và ngờ vực	Bất chước
Tiền học đường (4 -6 tuổi)	Chủ động >< Tội lỗi	Hình thành cá tính
Thơ ấu (6-12 tuổi)	Cần cù >< Tự ti	Giai đoạn
Đầu thanh niên (12-18 tuổi)	Cá tính tập thể >< Sự ghét bỏ	Áp lực của bạn cùng tuổi
Cuối thanh niên (18 -24 tuổi)	Cá tính cá nhân >< Lẫn lộn về cá tính	Thử nghiệm vai trò của bản thân

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Đồng (2004), Tâm lí học phát triển, NXB chính trị quốc gia, 2004.
- [2] Nguyễn Ánh Tuyết chủ biên (2002), Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non, NXB ĐHSHPHN.
- [3] Trương Khánh Hà, (2011), Tâm lí học phát triển, NXB Đại học quốc gia,
- [4]. Berger K.S (2000). The developing person, 2nd ED. NY.
- [5]. Vasta, Haith M, Miler S, Child psychology (1999), 3rdEd, NY.